TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 3 -2022.
"V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ánh Sửu và ông Hoàng Tuyển.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01/11/2021 về việc "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th - sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã K, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; Hiện đăng ký tạm trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Ea Đrăng, huyện E, tỉnh Đăk Lăk - vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn H - sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 10, xã K, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Chị Trần Thị Th tự nguyện chung sống với anh Lê Văn H từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H lún sâu vào cờ bạc, hoàn cảnh gia đình ngày càng khó khăn. Hai bên gia đình đã rất nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H không thay đổi. Đến nay cảm thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Bản thân chị Th luôn mong muốn anh H thay đổi để cùng nhau vun vén gia

đình, chăm sóc con cai nhưng anh H vẫn không thay đổi được, tình trạng này kéo dài, làm cho cuộc sống gia đình nặng nề, mệt mỏi. Chị Th thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh H nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị Th ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị Th và anh Lê Văn H có 02 con chung là: Lê Phước T - sinh ngày 01/08/2014 và Lê Tấn P - sinh ngày 25/6/2020.

Chị Trần Thị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Tấn P và giao con chung là Lê Phước T cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn H trình bày:

Anh H và chị Th tử nguyện về sống chung với nhau từ ăm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian vợ chồng anh H, chị Th chung sống với nhau không có xảy ra mâu thuẫn gì. Trước đây khoảng 3 năm, anh H có ham chơi ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng hiện tại anh H đã tu chí làm ăn. Về yêu cầu ly hôn của chị Th, anh H không đồng ý ly hôn, lý do là do anh H vẫn còn tình cảm với chị Th. Hơn nữa, hiện tại các con của anh H còn quá nhỏ, anh H không muốn con thiếu hụt tình cảm cha mẹ. Mặt khác, anh H và chị Th còn một số nợ chung chưa giải quyết được nên anh H muốn chị Th và anh H cùng có trách nhiệm trả số nợ này.

Về con chung: Anh H và chị Th có hai con chung như chị Th trình bày. Nếu Toà án giải quyết ly hôn, anh H đồng ý việc nuôi dưỡng con chung chư chị Th trình bày, không có ý kiến khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

3. Tại các biên bản xác minh tại địa phương nơi anh Chị Th, anh H đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thể hiện nội dung:

+ Nội dung xác minh tại thôn 10 xã K, huyện E: Do làm ăn thua lỗ, chị Th và anh H đã bán nhà đi khỏi thôn 10, xã K, huyện E. Khi đi, không báo nên chính quyền địa phương không biết là đi đâu.

+ Nội dung xác minh tại nơi chị Th đăng ký tạm trú: Hiện chị Th có đăng ký tạm trú tại tổ dân phố 7, thị trấn Ea Đrăng, huyện E, tỉnh Đăk Lăk từ ngày 03/07/2020 đến nay. Chị Th chỉ sinh sống cùng các con chứ không sinh sống cùng ang Lê Văn H.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thu tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng

quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th về việc ly hôn với anh Lê Văn H. Về con chung: đề nghị giao con chung là cháu Lê Tấn P - sinh ngày 25/6/2020 cho chị Trần Thị Th; giao con chung là cháu Lê Phước T - sinh ngày 01/82014 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Văn H là "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Th, bị đơn anh Lê Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Lê Văn H chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01, ngày 16/09/2010 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của các đương sự và nội dung tại các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Th, anh H đăng ký hộ khẩu thường trú và đăng ký tạm trú, đã có căn cứ xác định, trong quá trình chung sống chị Th và anh H có nảy sinh mâu thuẫn, do anh H chơi bời, làm thiệt hại kinh tế gia đình. Mặt khác từ ngày 03/7/2020 đến nay, chị Th đã đưa con đi tạm trú nơi khác, không chung sống cùng với anh H.

Như vậy, xác định tình cảm giữa chị Th và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Th và anh H đã có với nhau 02 con chung là Lê Phước T - sinh ngày 01/08/2014 và Lê Tấn P - sinh ngày 25/6/2020.

Chị Trần Thị Th và anh H thống nhất nội dung: giao con chung là Lê Tấn P cho chị Th và giao con chung là Lê Phước T cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Chị Th, anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Tấn P - sinh ngày 25/6/2020 cho chị Th và giao con chung là Lê Phước T - sinh ngày 08/8/2014 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Trần Thị Th, anh Lê Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0000483 ngày 27/10/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã K,E;*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy